

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VIỆT YÊN
TỈNH BẮC GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 36/2021/HNGĐ-ST

Ngày 30 -9 - 2021

V/v Tranh chấp về hôn nhân và gia
đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VIỆT YÊN, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Quang Dũng

- Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Ngọc Vân

Ông Dương Văn Toàn

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Đoàn Thị Thúy Nga - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Việt Yên.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa:** Bà Phạm Thu Hà - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 9 năm 2021, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm, công khai vụ án thụ lý số: 89/2021/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2021 về việc kiện tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2021/QĐXXST - HNGĐ ngày 30/8/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 26/2021/QĐST - HNGĐ ngày 15/9/2021, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1993 (Có mặt).

Trú quán: Thôn D, xã N, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

- **Bị đơn:** Anh Nguyễn Văn D, sinh năm 1988 (Vắng mặt).

Trú quán: Thôn M, xã M, huyện V, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn, bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, nội dung vụ án như sau:

Chị Nguyễn Thị T trình bày: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn D kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 23/10/2019 tại UBND xã M, huyện V, tỉnh Bắc Giang. Sau khi tổ chức hôn lễ, chị T về gia đình anh D chung sống tại thôn M, xã M được thời gian ngắn thì ra ở riêng nhưng ở chung nhà với bố, mẹ chồng. Trong quá trình chung sống, tình cảm vợ chồng hạnh phúc được khoảng 02 tháng thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do trong cuộc sống sinh hoạt anh D thường xuyên uống rượu say, chị T nhiều lần khuyên ngăn nhưng anh D không nghe mà còn mắng, chửi chị T. Khi vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, gia đình hai bên động viên, hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng không có kết quả vì anh D không thay đổi cách sống, sinh hoạt dẫn đến tình cảm vợ chồng luôn căng thẳng, ngày 11/7/2020 chị T về gia đình bố, mẹ đẻ ở và sống ly thân anh D cho đến nay. Chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc, chị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Văn D.

Về con chung: Vợ chồng chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn D có 01 con chung là Nguyễn Khánh L, sinh ngày 10/8/2020, hiện nay cháu L đang ở với chị T. Khi vợ chồng ly hôn, chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu L, không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Về tài sản chung, công nợ, công sức, ruộng đất nông nghiệp: Chị Nguyễn Thị T xác định vợ chồng không có và không liên quan, chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Văn D vắng mặt tại phiên tòa: Trong quá trình giải quyết vụ án, anh D đã được Tòa án đã tiến hành giao, gửi, niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định nhưng anh D đều không có mặt để làm việc theo thông báo, giấy triệu tập của Tòa án, đã từ bỏ quyền lợi được tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật.

Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương đối với yêu cầu xin ly hôn anh Nguyễn Văn D của chị Nguyễn Thị T, kết quả xác minh được thể hiện như sau:

- Xác minh đối với ông Nguyễn Văn D1 là bố đẻ anh Nguyễn Văn D cung cấp: Gia đình ông D1 có tổ chức hôn lễ cho anh D và chị T vào thời gian cụ thể ông D1 không nhớ. Trước khi tổ chức hôn lễ, anh D, chị T có đăng ký kết hôn tại UBND xã M vào khoảng tháng 10/2019. Sau khi kết hôn, chị T về gia đình ông D1 làm dâu ngay và ở chung cùng gia đình được khoảng 01 tháng thì ra ở riêng tại nhà của gia đình ông D1.

Tình cảm vợ chồng ban đầu chung sống hạnh phúc, được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, do trong cuộc sống sinh hoạt vợ chồng không hòa hợp dẫn đến mâu thuẫn thường xuyên xảy ra, gia đình hai bên có động viên, hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng không có kết quả, khoảng tháng 7/2020 chị T về gia đình bố, mẹ đẻ ở và sống ly thân anh D cho đến nay.

Nay, chị T xin ly hôn anh D là do vợ chồng tự quyết định, còn ông D1 có nguyện vọng, mong muốn vợ chồng chị T về đoàn tụ.

Vợ chồng chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn D có 01 con chung là cháu Nguyễn Khánh L, sinh ngày 10/8/2020, hiện nay cháu L đang ở với chị T. Về điều kiện nuôi con chung, chị T và anh D đều có điều kiện nuôi con chung, đề nghị Tòa án xem xét giải quyết để giao con cho chị T hoặc anh D nuôi theo quy định của pháp luật.

Hiện nay anh D làm nghề tự do nên thường xuyên không có mặt tại nhà. Khi có giấy thông báo làm việc của Tòa án gửi về nhà, ông D1 có thông tin cho anh D biết việc chị T xin ly hôn, anh D có nói do đang mắc dịch Covid và không muốn đến Tòa án làm việc mà giải quyết vắng mặt theo quy định. Tòa án giao quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập phiên tòa cho anh D ông D1 nhận sẽ thông tin cho anh D biết để đến Tòa án làm việc. Tuy nhiên ông D1 không ký vào các biên bản do Tòa án lập đưa cho ông ký.

- Xác minh tại địa phương cung cấp: Anh Nguyễn Văn D và chị Nguyễn Thị T có đăng ký kết hôn tại UBND xã M như giấy chứng nhận kết hôn chị T cung cấp cho Tòa án. Sau khi kết hôn, chị T về gia đình anh D làm dâu ngay và ở chung cùng gia đình nhà chồng, sau đó chị T có đăng ký hộ khẩu thường trú vào sổ của gia đình ông Nguyễn Văn D1 là bố đẻ anh D. Trong cuộc sống tình cảm vợ chồng không hòa thuận, mâu thuẫn thường xuyên xảy ra, nguyên nhân do anh D ham chơi, không chịu khó lo công việc gia đình, chị T đã về gia đình bố, mẹ đẻ ở và sống ly thân anh D cho đến nay.

Hiện nay anh D vẫn sinh sống tại thôn M, xã M, không có công việc ổn định nên anh D không thường xuyên có mặt tại địa phương nên không biết rõ anh D nay đang làm ở đâu. Khi có giấy báo của anh D do Tòa án gửi về, UBND xã M có thực hiện việc giao, tổng đạt cho anh D theo quy định. Hiện tại, anh D vẫn đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa phương, chưa chuyển đi đăng ký nơi nào khác.

Về con chung vợ chồng chị T, anh D có 01 con chung là cháu Nguyễn Khánh

L, sinh ngày 10/8/2020, hiện nay cháu L đang ở với chị T, chị T xin ly hôn anh D và giải quyết con chung, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị T giữ nguyên đơn khởi kiện, ý kiến đã trình bày, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Văn D và được trực tiếp nuôi con chung Nguyễn Khánh L, sinh ngày 10/8/2020, không yêu cầu anh Nguyễn Văn D cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Ngoài ra, chị T không đề nghị Tòa án giải quyết vấn đề nào khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên phát biểu ý kiến về việc tuân thủ pháp luật: Trong suốt quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật.

Nguyên đơn có ý thức chấp hành pháp luật, bị đơn không có ý thức chấp hành pháp luật.

Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 28; 35; 39; 147; 178; 227; 271; 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 56; 81; 82; 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Điều 26, Điều 27 của Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội; đề nghị xử:

- Về quan hệ vợ chồng: Chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Nguyễn Văn D.
- Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi Nguyễn Khánh L, sinh ngày 10/8/2020, về cấp dưỡng nuôi con do chị Nguyễn Thị T không có yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

Anh Nguyễn Văn D được quyền thăm nom con chung không ai được ngăn cản.

Về tài sản chung, công sức, công nợ, ruộng đất nông nghiệp: Chị Nguyễn Thị T xác định không có và không liên quan nên không xem xét, giải quyết.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải nộp 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Nguyễn Văn D có hộ khẩu thường trú tại thôn M, xã M, huyện V, tỉnh Bắc Giang. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1

Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị T yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang giải quyết ly hôn anh Nguyễn Văn D là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

Tại phiên tòa, anh Nguyễn Văn D vắng mặt nhưng Tòa án đã tiến hành giao, gửi, niêm yết các văn bản tố tụng cho anh D theo quy định nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh Nguyễn Văn D theo quy định tại Điều 178; Điều 179, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Chị Nguyễn Thị T kết hôn với anh Nguyễn Văn D trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện V, tỉnh Bắc Giang theo Giấy chứng nhận kết hôn số 84 ngày 23/10/2019 được xác nhận là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, chị T về gia đình anh D làm dâu ngay được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do trong cuộc sống sinh hoạt vợ chồng không hòa hợp vì anh D không chịu khó tu trí lo công việc gia đình, mâu thuẫn vợ chồng thường xuyên xảy ra, chị T khuyên bảo nhưng anh D không nghe mà còn mắng chửi chị T nên ngày 11/7/2020 chị T về gia đình bố, mẹ đẻ ở và sống ly thân anh D cho đến nay.

Vì tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc nên chị T làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh D và giải quyết cho chị được trực tiếp nuôi cháu L là con chung của vợ chồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành các phiên họp kiểm tra việc giao nộp tài liệu, chứng cứ và hòa giải nhưng anh D đều vắng mặt không có lý do, đã tự từ bỏ quyền lợi và nghĩa vụ của mình được tham gia tố tụng để có ý kiến về đơn xin ly hôn và giải quyết con chung với chị T.

Qua việc tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ cho thấy, tình cảm vợ chồng chị T, anh D chỉ hòa thuận được thời gian ngắn sau khi kết hôn, khi mâu thuẫn vợ chồng thường xuyên xảy ra đã được gia đình động viên, hòa giải nhưng vợ chồng chị T, anh D không về đoàn tụ. Vì vậy, nay chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh D là có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận, giải quyết cho chị T được ly hôn anh D theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về con chung: Vợ chồng chị T, anh D có một con chung là cháu Nguyễn Khánh L, sinh ngày 10/8/2020, hiện nay cháu L đang do chị T trực tiếp nuôi dưỡng, bảo đảm về sức khỏe và hiện tại cháu L đến nay dưới 36 tháng tuổi, do vậy yêu cầu xin được trực tiếp nuôi con chung của chị T là có căn cứ, cần tiếp tục giao con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, đảm bảo tốt hơn cho cuộc sống con chung, phù hợp quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là thuộc về bố, mẹ của con chung nhưng do chị T không yêu cầu anh D cấp dưỡng nên cần tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho anh D.

[4] Về tài sản chung, công sức, công nợ, ruộng đất nông nghiệp: Chị T xác nhận không có và không liên quan để giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; Điều 178, điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Điều 26, Điều 27 của Nghị quyết số 326/NQ - UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội;

Tuyên xử:

[1] Về quan hệ vợ chồng: Chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Nguyễn Văn D.

[2] Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi Nguyễn Khánh L, sinh ngày 10/8/2020.

Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho anh Nguyễn Văn D do chị Nguyễn Thị T không yêu cầu giải quyết.

Anh Nguyễn Văn D được quyền thăm nom con chung, không ai được ngăn cản.

[3] Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) chị Nguyễn

Thị T đã nộp tạm ứng án phí, theo Biên lai thu tiền số: AA/2019/0000402 ngày 15/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Việt Yên; Xác nhận chị Nguyễn Thị T đã nộp đủ án phí.

[5] Về quyền kháng cáo: Báo cho đương sự có mặt biết được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt hợp lệ bản án.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Việt Yên;
- THADS huyện Việt Yên;
- Các đương sự;
- UBND xã M;
- Lưu: HS, VP.

(đã ký)

Ngô Quang Dũng